

KINH QUANG TÁN

QUYỂN 7

Phẩm 17: QUÁN

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Pháp Đại thừa của Đại Bồ-tát là bốn Ý chỉ.

Thế nào là bốn Ý chỉ? Tự quán trong thân, chẳng cùng thân tương ứng, cũng chẳng tướng niệm, cũng chẳng đắc thân. Quán ngoài thân, chẳng cùng thân tương ứng, cũng chẳng tướng niệm, cũng chẳng đắc thân. Khi ấy an tưởng điều ngự tâm ý, thấy thế gian là vô minh sâu nã. Quán thọ (thống dương) tâm, pháp bên trong, khi ấy an tưởng điều ngự tâm ý, thấy thế gian là pháp vô minh sâu nã. Quán thọ bên ngoài chẳng cùng thọ tương ứng, cũng không tướng niệm, cũng chẳng đắc thân. Quán tâm (tư tưởng) bên trong chẳng cùng tâm tương ứng, cũng không tướng niệm, chẳng đắc tâm (tư tưởng). Quán tâm bên ngoài, chẳng cùng tâm tương ứng, cũng không tướng niệm, cũng chẳng đắc tâm. Quán pháp bên trong, chẳng cùng pháp tương ứng, cũng không tướng pháp, cũng chẳng đắc pháp. Quán pháp bên ngoài, chẳng cùng pháp tương ứng, cũng không nghĩ pháp, cũng chẳng đắc pháp. Khi ấy tịch nhiên điều ngự tâm ý, thấy thế gian là pháp vô minh sâu nã.

Này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát quán trong thân như thế nào? Khi ấy Đại Bồ-tát biết sở hành của tâm; hoặc đứng, hoặc đã đứng, cũng biết; đã ngồi, sẽ ngồi, cũng biết; đi, nằm, đã sẽ đi, nằm cũng như thân đang ở đâu, đến đâu đều biết hết. Đó là Đại Bồ-tát quán nội thân. Khi đó an tưởng điều ngự tâm ý thấy thế gian là pháp vô minh sâu nã.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát đi lại an tưởng, quán sát, nhìn xem chẳng vội vàng. Bước, dừng, co, duỗi, mặc y, mang bát, ăn uống, nằm ngủ, nghỉ ngơi đều hành theo luật. Đi lại, ngồi xuống, đứng lên, ngủ, dậy, nói năng, thông thả, đàng hoàng, ưa ở chỗ thanh vắng, tâm không rong ruổi.

Này Tu-bồ-đề! Đó là Đại Bồ-tát hành Bát-nhã ba-la-mật tự quán nội thân, chẳng thể nắm bắt được.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát chuyên nhất tâm ý, quán hơi thở ra vào, hơi thở dài, hơi thở ngắn cũng đều biết hết; hơi thở gần hoặc xa cũng đều biết hết; hơi thở chậm hoặc nhanh cũng đều biết hết; hơi thở dồn dập hoặc điều hòa cũng đều biết hết. Ví như Chuyển luân thánh vương biết cõi nước dài ngắn, rộng hẹp. Ví như thợ gốm làm ra đồ đựng biết bao lớn nhỏ, sâu rộng.

Này Tu-bồ-đề! Cũng như thế, Đại Bồ-tát biết hơi thở ra vào, dài ngắn, chậm nhanh, cương nhu. Đại Bồ-tát quán nội thân như thế biết an tưởng điều ngự tâm mình khiến thuận pháp giáo.

Này Tu-bồ-đề! Đó là Đại Bồ-tát quán nội thân, chế ngự tâm ý thấy thế gian là pháp vô minh sâu nã.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát tự quán bốn phần đại chủng trên thân mình: thân này có các thứ đất, nước, lửa, gió. Giống như người đồ tể cầm dao bén giết chết trâu, chặt làm bốn đoạn, rồi ngồi quan sát, thì thấy không có trâu, mà do nhân duyên hợp

thành.

Này Tu-bồ-đề! Cũng như thế, Đại Bồ-tát hành Bát-nhã ba-la-mật, tự quán thân mình, thân có những thứ này tức là đất, nước, lửa, gió. Đại Bồ-tát hành Bát-nhã ba-la-mật, tự quán nội thân cũng chẳng thấy thân, cũng không thể nắm bắt được.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát tự quán sát thân mình từ đầu đến chân: Có thân tóc, tủy, não đầy dẫy sự nhơ nhớp bất tịnh. Có thân này thì có tóc, lông, móng, răng, da, gân, mạch, xương, đốt, ruột, bao tử, bụng, gan, phổi, tim, thận, ngũ tạng, máu, thịt, mỡ, tủy, nước mắt, nước miếng, đại tiện, tiểu tiện nhơ nhớp bất tịnh. Thí như nhà nông dùng bao đựng đủ loại ngũ cốc như mè, gạo, thóc, đậu, đại mạch, tiểu mạch, lúa. Người sáng mắt đổ ra trên đất, phân biệt biết hết: Đây là mè, đây là gạo, đây là đậu, thóc, đây là lúa...

Này Tu-bồ-đề! Cũng như thế, Đại Bồ-tát biết thân này từ chân đến đầu gồm có tóc, lông, móng, răng, da, gân, mạch, xương đốt, ruột, bao tử, bụng, gan, phổi, tim, thận, ngũ tạng, máu, thịt, mỡ, tủy, nước miếng, đại tiện, tiểu tiện dơ bẩn bất tịnh.

Này Tu-bồ-đề! Như thế, Đại Bồ-tát quán nội thân, điều ngự tâm ý, thấy thế gian là pháp vô minh sâu não, cũng chẳng thể nắm bắt được.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát nay quán thân người chết tiếp xúc lạnh nóng, hoặc đã một ngày, hoặc ba bốn ngày, năm ngày. Thân ấy sinh chướng, sắc da biến thành màu xanh, thối vữa, máu mủ chảy ra. Xét thân này chẳng thể lìa pháp vô thường.

Này Tu-bồ-đề! Như thế, Đại Bồ-tát tự quán nội thân, biết rồi, an tướng điều ngự tâm ý, thấy thế gian là pháp vô minh sâu não, cũng chẳng thể nắm bắt được, cũng không thấy có.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát nay quán người chết tiếp xúc lạnh, nóng, mặt trời thiêu đốt, gió thổi. Sau khi chết một ngày, hoặc hai ngày, ba ngày, bốn ngày, năm ngày, sáu ngày, bảy ngày, bị chim quạ mổ ăn, chồn, sói, gấu, hổ, báo, cú vô, chó ăn thịt, vô số loài trùng từ thân sinh ra rồi lại rúc rửa thân thể. Vị ấy tự quán sát chỗ mà thân đi đến thì thấy vô thường, phân tán ly biệt, không ai thoát được điều này. Tự quán thân nội, điều ngự tâm ý, thấy thế gian là pháp vô minh sâu não, cũng không thấy có.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Giả sử Đại Bồ-tát quán thân người sau khi chết (vô thường), tiếp xúc lạnh, nóng, mặt trời thiêu đốt, gió thổi, sinh chướng, xanh bầm, chim thú mổ xẻ, hôi thối bất tịnh, trở lại quán thân mình cũng sẽ như vậy, điều ngự tâm ý, thấy thế gian là pháp vô minh sâu não, cũng chẳng thể nắm bắt được, cũng không thấy có.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Giả sử Đại Bồ-tát quán thân người sau khi chết, tiếp xúc nóng, lạnh, mặt trời thiêu đốt, gió thổi, chỉ còn xương đốt dính liền, giống như vòng xích, thịt bủn, máu đông, gân buộc, da che, rồi tự quán thân mình, điều ngự tâm ý thấy thế gian là pháp vô minh, sâu não, cũng chẳng thể nắm bắt được, cũng chẳng thấy có.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Giả sử Đại Bồ-tát quán thân người sau khi chết, chỉ còn xương trắng liền nhau, trước kia cũng có máu mạch, da thịt, gân tủy. Nay quán thân thể này cũng chỉ như thế, phân tán biệt ly, đó là pháp vô thường, không ai thoát khỏi.

Này Tu-bồ-đề! Như thế, Đại Bồ-tát quán thân rồi, điều định tâm ý, thấy thế gian là pháp vô minh sâu não, cũng chẳng thể nắm bắt được, cũng chẳng thấy có.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Giả sử Đại Bồ-tát quán thân người thấy xương tủy gân tan nát, phân tán, hòa trộn với đất, quán sát như thế thấy thân thể này cũng giống như vậy. Tự quán nội thân, điều ngự tâm ý, thấy thế gian là pháp vô minh sâu não, cũng chẳng thể nắm bắt được, cũng chẳng thấy có.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Giả sử Đại Bồ-tát quán thấy xương phân tán trên mặt đất khắp

cả Đông, Tây, Nam, Bắc, xương chân một nơi, xương đầu gối, bánh chè, cổ, nhục, sườn, đầu sọ mỗi thứ mỗi ngã. Quán sát như thế, biết nay thân thể này cũng giống như thế, chân tay phân tán, biệt ly, đây là pháp vô thường, không ai thoát khỏi điều này. Bồ-tát quán nội thân, điều ngự tâm ý, thấy thế gian là pháp vô minh sâu nã, cũng chẳng thể nắm bắt được, cũng chẳng thấy có.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát lại quán thân chết đã lâu, xương tan trên đất, trải qua nhiều năm chẳng thể tính đếm, cũng khó suy lường xương xanh tan nát, lẫn lộn với bụi đất. Nay thân này cũng giống như thế, phân tán biệt ly. Đây là pháp vô thường, không có ai thoát khỏi.

Này Tu-bồ-đề! Như thế, Đại Bồ-tát tự quán thân, điều định tâm ý, thấy thế gian là pháp vô minh sâu nã, cũng chẳng thể nắm bắt được, cũng chẳng thấy có. Quán thọ, tâm, pháp cũng lại như thế, rồi hộ trì hướng dẫn, sách tấn người mới phát tâm, thực hiện phép quán vô thường, dần dần nhập pháp không mới biết vô bốn. Người vì phát ý thành đạt thì quán nội ngoại thân, cũng không có thân. Quán nội ngoại tâm (tưởng), cũng không có tâm. Quán nội ngoại pháp, cũng không có pháp, cũng không có đối tượng quán sát, cũng không thấy có, đạo chẳng lia tục, tục chẳng lia đạo, cả hai đều không, cũng không nắm bắt được.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát hành Đại thừa là bốn Ý đoạn.

Những gì là bốn Ý đoạn? Đó Đại Bồ-tát đối với các việc ác bất thiện chưa phát sinh, nếu phát sinh thì chặn đứng khiến không sinh, ân cần tinh tấn nhiếp phục tâm ý, làm cho dứt trừ các điều xấu. Các việc ác bất thiện, phi pháp vừa móng khởi, liền dứt trừ, ân cần tinh tấn, tự nhiếp phục tâm, khiến cho bình đẳng loạn trừ. Các gốc thiện đức nếu phát khởi mà bị cắt đứt thì phải cần tinh tấn cứu giúp tâm ấy, bình đẳng giải thoát. Pháp thiện đã phát sinh thì giữ vững không để mất, tư duy đầy đủ, rộng khắp khiến càng thêm lợi ích an lạc, ân cần tinh tấn nhiếp hộ tâm ấy, bình đẳng giải thoát, có sở đắc, không sở đắc cũng đều không thấy.

Này Tu-bồ-đề! Đó là pháp Đại thừa của Đại Bồ-tát.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Pháp Đại thừa của Đại Bồ-tát là năm Căn: Tín căn, Tinh tấn căn, Ý căn, Định căn, Tuệ căn. Đó là Đại Bồ-tát hành Đại thừa, có sở đắc, không có sở đắc, cũng chẳng thể nắm bắt được.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Pháp Đại thừa của Đại Bồ-tát là năm Lực. Những gì là Năm Lực? Tín lực, Tinh tấn lực, Ý lực, Định lực, Tuệ lực. Đó là Đại Bồ-tát hành Đại thừa, có sở đắc, không có sở đắc, cũng chẳng thể nắm bắt được.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Pháp Đại thừa của Đại Bồ-tát là bảy Giác ý.

Những gì là bảy Giác ý? Này Tu-bồ-đề, đó là Đại Bồ-tát chuyên tu Tư giác ý, nương vào sự tĩnh lặng, không có tham dục, cũng không chỗ nương, dứt tranh tụng, bỏ các pháp. Đó là Tư giác ý. Lại hành Tinh tấn giác ý, nương vào sự tĩnh lặng, không có tham dục, cũng không chỗ nương, dứt tranh tụng, bỏ các pháp. Đó là Tinh tấn giác ý. Lại hành Duyệt dự giác ý, hành Tín giác ý, hành An giác ý, hành Định giác ý, hành Quán giác ý, nương vào sự tĩnh lặng, không có tham dục, cũng không chỗ nương, dứt tranh tụng, bỏ các pháp. Đó là pháp Đại thừa của Đại Bồ-tát hành bảy Giác ý, có sở đắc, không có sở đắc, cũng chẳng thể nắm bắt được.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Pháp Đại thừa của Đại Bồ-tát là tám Thánh đạo.

Những gì là tám Thánh đạo? Chánh kiến, Chánh niệm, Chánh ngữ, Chánh tri, Chánh nghiệp, Chánh phương tiện, Chánh ý, Chánh định. Đó là tám pháp Thánh đạo, có

sở đắc, không có sở đắc, cũng chẳng thể nắm bắt được. Đó là pháp Đại thừa của Đại Bồ-tát.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Pháp Đại thừa của Đại Bồ-tát là Ba phẩm Tam-muội. Những gì là ba? Tam-muội Không, Tam-muội Vô tướng, Tam-muội Vô nguyện.

Sao gọi là Tam-muội Không? Pháp tướng là không. Không là môn giải thoát tức là Vô tướng. Cái Vô tướng ấy tức là môn giải thoát. Cái có sở hành ấy là không có sở hành. Đó là môn giải thoát Vô nguyện.

Này Tu-bồ-đề! Đó là pháp Đại thừa của Đại Bồ-tát. Đã đạt được pháp này rồi, cũng không sở đắc, cũng không nắm bắt được.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Pháp Đại thừa của Đại Bồ-tát nên phân biệt, hiểu rõ Tập để quyết đoán Diệt tận, hiểu rõ thánh đạo. Biết sự diệt tận thì biết không chỗ khởi, hiểu rõ các pháp, phân biệt vô ngã, hiểu rõ sự kết cuộc nhu hòa, tự biết tâm mình biết tâm người. Đó gọi là tuệ.

Sao gọi là phân biệt? Đối với khổ biết khổ, không từ đâu sinh, cũng không chỗ khởi. Đó là phân biệt Khổ.

Sao gọi là hiểu rõ Tập? Đó là diệt trừ nguyên nhân, khiến chẳng sinh lại.

Sao gọi là quyết đoán Diệt tận? Đó là khổ đã hết, khiến không còn gốc rễ.

Sao gọi là biết rõ Thánh đạo? Đó là pháp tám Thánh đạo.

Sao gọi là biết sự diệt tận? Đó dâm, nộ, si, diệt.

Sao gọi là biết không chỗ khởi? Đó là trí tuệ không từ đâu sinh khởi.

Sao gọi là hiểu rõ pháp tuệ? Đó là trí tuệ dứt sinh tội phước do năm ấm tạo ra.

Sao gọi là phân biệt vô ngã? Đó là sắc vô thường; thọ, tưởng, hành, thức vô thường; nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý chẳng phải là sở hữu của ngã; sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp chẳng phải là sở hữu của ngã; nhãn sắc thức, nhĩ thanh thức, tỷ hương thức, thiệt vị thức, thân xúc thức, ý pháp thức cũng chẳng phải là sở hữu của ngã.

Sao gọi là hiểu rõ kết cuộc nhu hòa? Đó là có sự than thở thì có nhiều sự phát sinh.

Sao gọi là tự biết tâm mình? Đó là tự biết căn nguyên xưa nay.

Sao gọi là biết tâm người? Đó là có thể phân biệt được tâm niệm của người khác, của chúng sinh.

Sao gọi là Như sở tuệ tâm? Đó là trí Nhất thiết của Như Lai, là trí Nhất thiết Như Lai đã đắc, cũng không nắm bắt được.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Pháp Đại thừa của Đại Bồ-tát là ba căn. Đó là Dị nhân căn, Dị căn, Biệt căn.

Sao gọi là Dị nhân căn? Đó là có các học sĩ chưa đắc bình đẳng về Tín căn, Tinh tấn căn, Ý căn, Định căn, Tuệ căn. Đó gọi là Dị nhân căn.

Sao gọi là Dị căn? Các học sĩ ấy không có niềm tin khác với Tín căn, Tinh tấn căn, Ý căn, Định căn, Tuệ căn. Đó là Dị căn.

Sao gọi là Biệt căn? Đó là người chưa học mà đã phát ý lớn về Tín căn, Tinh tấn căn, Ý căn, Định căn, Tuệ căn. Đó là Đại Bồ-tát có biệt căn Đại thừa, có sở đắc, cũng không sở đắc, cũng không nắm bắt được.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Pháp Đại thừa của Đại Bồ-tát là định bình đẳng. Định này có ba là Tam-muội hữu tướng hữu hành, Tam-muội vô tướng hữu hành, Tam-muội vô tướng vô hành.

Sao gọi là Tam-muội hữu tướng hữu hành? Thoát khỏi các dục, tịch nhiên diệt trừ

các pháp ác bất thiện, có tướng, có hành, hành tịch tĩnh thứ nhất. Đó là Tam-muội có tướng có hành.

Sao gọi là Tam-muội vô tướng hữu hành? Đó là trong tâm không tướng có hành, cũng không chấp trước, đạt đến tịch tĩnh thứ hai, cũng không trong ngoài. Đó là Tam-muội vô tướng hữu hành.

Sao gọi là Tam-muội vô tướng vô hành? Vượt qua tịch tĩnh thứ hai, thứ ba, vượt qua định vô lượng hữu tuệ, vượt qua định vô lượng thức tuệ, vượt qua định vô lượng bất dung tuệ, vượt qua định vô lượng hữu tướng vô tướng, thì đó là vô tướng vô hành.

Này Tu-bồ-đề! Đó là pháp Đại thừa của Đại Bồ-tát.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Pháp Đại thừa của Đại Bồ-tát là hành mười niệm. Những gì là mười niệm? Đó là niệm Phật, niệm Pháp, niệm Thánh chúng, niệm Giới, niệm Bố thí, niệm Thiên, niệm Thiện, niệm không chỗ khởi, niệm thân, niệm tử vong. Đó là pháp Đại thừa của Đại Bồ-tát, có sở đắc, cũng không sở đắc, cũng không nắm bắt được.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Pháp Đại thừa của Đại Bồ-tát là bốn Thiên, bốn Định vô sắc, bốn Đẳng tâm, tám môn giải thoát, định chưa từng nếm trải vị thiên.

Này Tu-bồ-đề! Đó là pháp Đại thừa của Đại Bồ-tát, có sở đắc, cũng không sở đắc, cũng không nắm bắt được.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Pháp Đại thừa của Đại Bồ-tát là mười Lực của Như Lai.

Sao gọi là mười Lực của Như Lai? Đó là biết người khác, các loài chúng sinh đúng đạo lý, chẳng đúng đạo lý, có giới hạn, không có giới hạn; như thật biết rõ nhân duyên tội, phước trong quá khứ, vị lai, hiện tại sẽ đi về đâu, sẽ có báo ứng thế nào; như thật biết rõ người thế gian có bao nhiêu loại hình thể bất đồng; như thật biết rõ con người và chúng sinh có bao nhiêu tâm niệm ưa thích khác nhau; như thật biết rõ căn nguyên, mục đích của con người và chúng sinh, gốc ngọn khác nhau; như thật biết rõ chỗ quy về sau, trước của tất cả năm đường; như thật biết rõ tâm hành giả, chúng sinh, căn, lực, giác ý, nhất tâm giải thoát môn, Tam-muội chánh thọ, các việc ràng buộc, sân hận, đấu tụng có thể dùng trí tuệ phân biệt; như thật biết rõ vô số tịch nhiên, biết việc vô số ức kiếp trong quá khứ, biết vô số ức đời sống chúng sinh ở quá khứ, biết chỗ sinh về sau khi chết, dùng đạo nhãn nhìn khắp cõi nước tất cả chư Phật trong mười phương, sự sinh tử, họa phúc, thiện ác, khởi diệt, chung thủy trong năm đường; như thật biết rõ các lậu đã hết, không có trần cấu, vượt qua tướng niệm, dùng trí tuệ thoát qua nghiệp hiện tại, tự dùng thần thông chứng biết các hạnh, sinh tử đã đoạn, phạm hạnh đã lập, việc làm đã xong, biết người chưa độ.

Này Tu-bồ-đề! Như thế, pháp Đại thừa của Đại Bồ-tát có sở đắc, cũng không sở đắc, cũng không nắm bắt được.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Pháp Đại thừa của Đại Bồ-tát là bốn Vô sở úy.

Sao gọi là bốn Vô sở úy? Nay ta đã thành Bình đẳng giác, nếu có Sa-môn, Phạm chí, chư Thiên, loài người, hoặc dị thiên, hoặc người ở học phái khác đến muốn tranh luận để tìm sở đoản của ta để cho là ta không thành Bình đẳng giác. Họ chẳng thấy điểm lành, dám khởi ý đương đầu với Như Lai, nhưng không dám bộc lộ ý nghĩ đó, cho nên Như Lai an ổn với việc làm của mình, không bị vấn nạn, cũng không sợ, dũng mãnh tiến bước, không có chấp trước, vì người khác rống tiếng rống sư tử, giảng thuyết phân biệt pháp luân thanh tịnh. Sa-môn, Phạm chí, chư Thiên, Ma, Phạm thiên ở cõi trời, nhân gian không ai có thể sánh kịp ý nghĩa đạo pháp. Như Lai, các lậu đã hết, không còn sinh tử nên Sa-môn, Phạm chí, chư Thiên, Ma, Phạm trên cõi trời, ở nhân gian,

muốn tìm sở đoản của Như Lai để nói là chẳng đúng như thế vì các lậu chưa hết nhưng hoàn toàn chẳng thấy ai bộc lộ tâm tìm sở đoản, cho nên Như Lai an ổn, không có sợ hãi, vì mọi người rống tiếng rống sư tử. Như Lai biết hết nội pháp không có nội, ngoại, chẳng thấy tôi ta, nên Sa-môn, Phạm chí, chư Thiên, Ma, Phạm của trên cõi trời, ở thế gian muốn tìm sở đoản của Như Lai để nói là không đúng như thế, chẳng biết nội pháp, chấp có tôi ta nhưng hoàn toàn chẳng thấy ai bộc lộ tâm tìm sở đoản, cho nên Như Lai an ổn, không có sợ hãi, vì mọi người rống tiếng rống sư tử, giảng thuyết Hiền thánh làm cho người chẳng hiểu hiểu được, người chẳng đạt đạt được, rồi dùng bình đẳng trừ hết khổ não, chẳng bao giờ tìm được sở đoản của Như Lai. Vì phụng sự pháp nên chẳng trái với nghĩa đạo, dũng mãnh không sợ hãi, vì người giảng thuyết pháp luân thanh tịnh, làm sư tử hống.

Này Tu-bồ-đề! Đó là pháp Đại thừa của Đại Bồ-tát có sở đắc, cũng không sở đắc, cũng không nắm bắt được.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Pháp Đại thừa của Đại Bồ-tát là bốn phân biệt biện? Những gì là bốn? Một là phân biệt nghĩa, hai là phân biệt pháp, ba là phân biệt chỗ quy thuận, bốn là phân biệt biện.

Này Tu-bồ-đề! Đó là pháp Đại thừa của Đại Bồ-tát có sở đắc, cũng không sở đắc, cũng không nắm bắt được.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Pháp Đại thừa của Đại Bồ-tát là mười tám pháp Bất cộng của chư Phật. Những gì là mười tám? Đó là Như Lai không có lầm lỗi, nói ra đúng lúc, không có tâm hẹp hòi, không quên mất, không có các tướng, không có tâm bất định, không có gì là không phân biệt, phân biệt đối tượng quán chiếu, không có gì ưa thích, tinh tấn không dứt mất, không bao giờ thất niệm, trí tuệ không tổn giảm, giải thoát không khiếm khuyết, giải thoát tri kiến không giảm, tất cả việc của thân không gì là chẳng đạt, tất cả lời là do miệng nói ra không gì là chẳng thông, tất cả đều đúng chỗ, dùng tâm trí tuệ biết hết cội nguồn của tất cả tâm niệm, lại dùng trí tuệ thấy biết hết việc của vô số kiếp chẳng thể tính biết ở quá khứ, lại dùng trí tuệ thấy biết hết việc của vô số kiếp chẳng thể tính biết trong vị lai, lại dùng trí tuệ thấy biết hết việc của vô số kiếp chẳng thể tính biết trong hiện tại.

Này Tu-bồ-đề! Đó là pháp Đại thừa của Đại Bồ-tát có sở đắc, cũng không sở đắc, cũng không nắm bắt được.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Pháp Đại thừa của Đại Bồ-tát là môn Tổng trì.

Sao gọi là môn Tổng trì? Các văn tự bình đẳng, lời nói bình đẳng là chỗ vào văn tự của môn văn tự.

Sao gọi là chỗ vào văn tự của môn văn tự? Môn nhân duyên là tất cả các pháp, vì từ quá khứ cũng không có chỗ khởi. Sự tạo tác của môn ấy là môn La; pháp li các cấu ấy là môn Ba; phân biệt các nghĩa là môn Giá; đạt đến hành của tất cả các pháp cũng không sở đắc, cũng không mất đi, cũng không chỗ sinh ra là môn Na; tất cả pháp li danh hiệu, xét cái bản tịnh chẳng thể nắm bắt được, đó là môn Ra; siêu vượt tất cả pháp ân ái, báo ứng, nhân duyên của thế gian, đó là môn Đà; tất cả các pháp đều là vốn không, không có đoạn tuyệt là môn Ba; mở hết sự trói buộc của các pháp. Đó là môn Tra; đốt hết các pháp, đạt đến thanh tịnh là môn Sa; tất cả các pháp không có chướng ngại, chẳng đắc các việc là môn Hòa; đoạn trừ tất cả dấu vết hương đến, cú, âm thanh của tất cả các pháp là môn Đa; tất cả pháp không có cội gốc, chẳng thể dao động là môn Kế; tất cả pháp không chỗ sinh khởi là môn Tra; tất cả pháp đạt đến cứu cánh là

môn A; tất cả các pháp hiện đang thực hiện đều đạt được là môn Ba; tất cả các pháp đều dùng thời gian để được thông suốt, chẳng bị trở ngại là môn Ma; hiểu biết các pháp từ tôi ta sinh khởi là môn Ca; tất cả các pháp đạt đến sự ủng hộ là môn Đản; tất cả các pháp đạt đến đạo lý của các pháp là môn Xà; tất cả các pháp không có chỗ là môn Ba; tất cả các pháp sinh khởi là môn Đà-ha; tất cả các chủng loại của các pháp không chỗ sinh khởi là môn Xa; tất cả các pháp tịch nhiên chẳng khởi là môn Khư; tất cả các pháp giống như hư không không có chỗ sinh là môn Xoa; tất cả các pháp đều diệt tận, chẳng thể nắm bắt được là môn Thi-đản; tất cả các pháp đứng vững nơi tự thể, chẳng thể động, cũng chẳng thể nắm bắt được là môn Nhã; tất cả các pháp tuệ chẳng thể nắm bắt được là môn Tra-ha; tất cả các pháp đạt được sở trì là môn Phi-hà; tất cả các pháp đã đắc nhàn tịnh là môn Xa; tất cả các pháp đều đã thiêu đốt là môn Na; tất cả các pháp đạt được chí tín là môn Ta; tất cả các pháp đều đắc tận diệt là môn Ca-hà; tất cả các pháp có sở trụ đắc vô sở trụ là môn Na; tất cả các pháp chẳng đến chẳng đi, chẳng đứng chẳng ngồi, chẳng nằm chẳng ngủ, không ứng nào chẳng ứng, không tưởng nào chẳng tưởng là môn Phả; tất cả các pháp chẳng thể trình bày là môn Thi-ca; tất cả các pháp chẳng đắc năm ấm là môn Tha; tất cả các pháp chẳng đắc tha niệm là môn Y-đà; bỏ tất cả pháp, không có sở đắc là môn Đa; tất cả các pháp rốt ráo ranh giới, tận cùng nơi chốn không sinh, không tử, không có, không tạo tác, dẹp bỏ thuyết âm thanh, văn tự. Vì sao? Vì chán các chướng ngại, nên không ngôn từ, không danh hiệu, không nơi chốn, cũng chẳng thể nắm bắt được, cũng chẳng thể nói, cũng chẳng thể tận, cũng chẳng thể thấy.

Này Tu-bồ-đề! Ví như hư không rộng không, tất cả các pháp cũng đều như thế.

Này Tu-bồ-đề! Đó là nhân duyên văn tự phân biệt chỗ vào Tổng trì. Có Đại Bồ-tát nào biết tất cả nhân duyên văn tự như thế, phương tiện phân biệt thì chẳng chấp trước vào âm thanh, ngôn thuyết, có thể lần lượt hiểu rõ chỗ hướng về của các pháp.

M